

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2026

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh

2. Ông Nguyễn Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1975, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Số CCCD 096175001515, cấp ngày 13/12/2022.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn Bé L, sinh năm 1972, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh B Lớn xác lập quan hệ hôn nhân năm 1994, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, chị N1 yêu cầu được ly hôn anh Bé L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Đặng Chí L1, sinh năm 1997 và Đặng Chí T, sinh năm 1999. Hiện các con chung đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đối với bị đơn anh Đặng Văn Bé L: Từ khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt, không có văn bản yêu kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị N đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn là anh Đặng Văn Bé L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử các đương sự nêu trên, là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Theo chị N xác định, chị và anh B L sống chung với nhau từ năm 1994, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn anh Bé L. Điều đó phù hợp tại Đơn xin xác nhận Về việc không có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2026 của chị N, được Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau xác nhận ngày 22/01/2026 giữa chị N và anh Bé L không có đăng ký kết hôn.

Đối với anh Bé L vắng mặt, nên không có cơ sở để xem xét.

Xét giữa chị N và anh Bé L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đã vi phạm về hình thức. Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhanh, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Bé L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh Bé L có 02 người con chung tên Đặng Chí L1, sinh năm 1997 và Đặng Chí T, sinh năm 1999 đến nay đã trưởng thành, chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.3] Về tài sản, nợ: Đương sự không có yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Đặng Văn Bé L là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng chị N dự nộp tại Biên lai thu số 0001115 ngày 27/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Thành Q